TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày: 05-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền và ông Đỗ Tiến Vụ.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:*Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo**: Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1976 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 50/7 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Ngọc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1952. Bị cáo có vợ Trần Cao Thu N, sinh năm 1984 và có 02 (hai) con, con lớn sinh năm 2015 và nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/9/2024, Nguyễn Ngọc T bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/7/2023 và đang chấp hành án tại trại giam T - Bộ công an. Hiện bị cáo được trích xuất để tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Buôn Đôn trong thời giam 04 tháng từ ngày 28/4/2025 đến ngày 28/8/2025 (Có mặt).

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T. Địa chỉ: Số 957A, L, phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1966. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Trung T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 201, L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Ông Phan Tự N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số 01/18 T. xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Trần Hải S, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Buôn Knia 4, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

+ Ông Trần Trung T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T và ông Phan Tự N có mối quan hệ quen biết từ trước. Ông N là nhân viên lái xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T. Trong thời gian làm nhân viên tại công ty ông Niên được công ty giao xe ô tô biển số 51F-448.91, nhãn hiệu: TOYOTA, loại INNOVA, màu sơn đồng để quản lý phục vụ mục đích kinh doanh của công ty.

Ngày 13/01/2021, T gọi cho ông N hỏi thuê xe ô tô trên để tự lái từ ngày 13/01/2021 đến ngày 17/01/2021, nghe vậy ông N liền gọi cho bà Lê Thị Kim H là Chủ tịch hội đồng thành viên của công ty để báo cáo về thời gian thuê và được bà H đồng ý với giá thuê là 700.000 đồng/ngày. Đến khoảng 18h30’ cùng ngày, ông N điều khiển xe ô tô trên đến địa chỉ số 93, P, Phường 11, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh để gặp T, khi cả hai gặp nhau ông N sử dụng 01 hợp đồng thuê xe của Công ty TNHH đầu tư dịch vụ, vận tải (DV-VT) Minh Tiến T để ký kết cho Nguyễn Ngọc T thuê xe, hợp đồng này ông N xin từ ông Nguyễn Hoàng T là bạn của ông N, sau khi ký hợp đồng ông N giao xe cùng các giấy tờ liên quan đến xe cho Nguyễn Ngọc T gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 51F-448.XX mang tên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Lê T (bản sao công chứng), 01 chứng nhận đăng kiểm (bản gốc), 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bản gốc). Sau khi thuê xe và sử dụng một thời gian, do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên Nguyễn Ngọc T đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe trên, sau đó Nguyễn Ngọc T liên hệ với “Linh” (người T quen biết ngoài xã hội, chưa rõ nhân thân, lai lịch) qua ứng dụng Messenger để nhờ tìm người cầm cố. Đến khoảng 11h00 ngày 16/01/2021, ông N kiểm tra trên phần mềm thì phát hiện định vị thứ nhất của xe bị mất (xe có hai định vị, định vị thứ nhất, định vị thứ hai) nên gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc T, tuy nhiên Nguyễn Ngọc T không nghe máy, đến khoảng 16h00 cùng ngày Nguyễn Ngọc T gọi lại cho ông N thông báo là xe đang sử dụng bình thường. Đến tối ngày 16/01/2021, sau khi được Linh giới thiệu, ông Trần Hải S đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên, nhưng vì bận việc riêng nên ông S đã nhờ anh trai là ông Trần Trung T đến thành phố Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Ngọc T để thỏa thuận. Khi đến sân bay Tân Sân Nhất, ông T gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc T ra đón, sau đó Nguyễn Ngọc T chở ông T về đoạn đường tại khu dân cư A, thuộc Quận X, thành phố Hồ Chí Minh để giao dịch. Tại đây, Nguyễn Ngọc T đưa cho ông T kiểm tra tình trạng xe ô tô biển số 51F-448.XX cùng giấy tờ liên quan gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Ngọc T (bản gốc), 01 chứng nhận kiểm định (bản gốc), 01 giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc), sau khi đối chiếu thông tin xe cùng giấy tờ ông T thấy phù hợp và nghĩ xe chính chủ nên đã gọi điện báo cho ông S, ông S nghe xong thì đồng ý nhận cầm cố xe với giá

150.000.000 đồng. Sau đó ông T đưa cho Nguyễn Ngọc T số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu T viết giấy vay tiền, rồi lái xe về Đắk Lắk giao lại cho ông Siêu.

Đến ngày 17/01/2021, do không thấy Nguyễn Ngọc T đưa xe đến trả nên ông N đã gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc T để đòi xe, vì đã cầm cố chiếc xe cho ông S và không có khả năng chuộc lại nên khi thấy ông N gọi, Nguyễn Ngọc T nói dối là vẫn đang sử dụng xe bình thường và gia hạn thuê thêm 03 ngày, do tin tưởng nên ông N đồng ý và không báo lại cho bà H. Ngày 20/01/2021, ông N tiếp tục gọi cho Nguyễn Ngọc T thì Nguyễn Ngọc T nói là đang sử dụng xe bình thường, đồng thời không báo cụ thể ngày trả xe. Đến ngày 21/01/2021, ông N kiểm tra hệ thống định vị thứ hai phát hiện chiếc xe đang ở vị trí tại buôn K, xã E, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk nên đã báo cho bà H biết, đến ngày 22/01/2021 ông N đến tỉnh Đắk Lắk tìm gặp người quản lý chiếc xe thì được biết, chiếc xe đã bị Nguyễn Ngọc T cầm cố cho ông Trần Hải S để vay số tiền 150.000.000 đồng, ngay sau đó ông N đến Công an huyện Buôn Đôn trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định số: 586/KLGĐ-PC09, ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 218225, mang tên Nguyễn Ngọc T, biển số đăng ký 51F-448.XX gửi giám định là giả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS, ngày 22/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Buôn Đôn kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 51F-448.XX, số khung: RL4JW8EMXG3223413, số máy: 1TRA207648, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA TGN140L-NUMSKU tại thời điểm ngày 16/01/2021 là 416.292.708 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 19/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện ngày 13/01/2021, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đánh giá, phân tích chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 08 (Tám) năm đến 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 10 (Mười) năm đến 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại xe ô tô biển kiểm soát 51F-448.XX cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hải S yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trang tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên vào ngày 13/01/2021, Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hành vi thuê xe ô tô biển số 51F-448.XX, nhãn hiệu: TOYOTA, loại INNOVA, màu sơn đồng trị giá 416.292.708 đồng của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Lê T để đi lại. Sau đó Nguyễn Ngọc T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã cầm cố chiếc xe trên cho ông Trần Hải S để lấy số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiêu sài cá nhân.

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, không những xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình thực hiện cũng như hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị

hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

[3] Về tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Ngọc T có nhân thân xấu: Ngày 27/9/2024, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Ngọc T được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 51F-448.XX cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Ngọc T đã cầm cố lại xe ô tô biển kiểm soát 51F-448.XXcho ông Trần Hải S để lấy số tiền 150.00.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hải S yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Hải S số tiền 150.00.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[9] Quá trình điều tra xác định bị cáo Nguyễn Ngọc T có dấu hiệu của hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Ngày 26/4/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 3322/QĐ-VPCQCSĐT về việc tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T. Vì vậy, Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (Tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Ha, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 11/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 51F-448.XX cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ Lê T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hải S số tiền 150.00.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn (02 bản);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng GĐKT 2 TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phân trại tạm giam khu vực Buôn Đôn;
- Chi cục T.H.A DS huyện Buôn Đôn;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long